

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2023/HNGĐ-PT**

Ngày: 17/7/2023

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2023/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 127/2022/HNGĐ-ST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2023/QĐ-PT ngày 15/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Đình H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện O, tỉnh Thanh Hóa. (Số điện thoại: 0942287708)

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị H1**, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: ấp R, xã X1, huyện Y1, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: khu phố X2, thành phố Y2, tỉnh Bình Dương. (Số điện thoại: 0374471129)

(Anh H, chị H1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn anh Lê Đình H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H1 tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Bà Rịa -

Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68 (quyển số 01/2009) ngày 10/12/2009. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay. Anh cùng với các con chung là cháu T và cháu N về quê nội ở tỉnh Thanh Hóa sống. Nay anh không còn tình cảm vợ chồng với chị H1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H1.

Về con chung: Anh và chị H1 có 03 con chung tên là Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 28/10/2010, Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 20/11/2013 và Lê Ngọc Trúc L, sinh ngày 05/08/2015. Hiện cháu T và cháu N đang sống cùng với anh tại huyện O, tỉnh Thanh Hóa. Anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu T và cháu N. Anh đồng ý giao cháu L cho chị H1 được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi lại xa xôi nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Bị đơn chị Lê Thị H1 trình bày trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 68 (quyển số 01/2009) ngày 10/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Bình Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến cuối năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn với anh Lê Đình H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung tên là Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 28/10/2010, Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 20/11/2013 và Lê Ngọc Trúc L, sinh ngày 05/08/2015. Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có tài sản chung gồm quyền sử dụng đất 125m² tại thửa số 128, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại xã Đ, huyện U, tỉnh Bình Dương; 01 xe tải hiệu Huynhdai biển số 61C333XX; 01 xe máy hiệu Airblade. Chị yêu cầu được Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng trong vụ án ly hôn giữa chị và anh H. Chị đã được Tòa án giải thích quy định pháp luật về yêu cầu chia tài sản chung và sẽ làm đơn khởi kiện nộp cho Tòa án.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 127/2022/HNGĐ-ST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán đã căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Đình H. Anh Lê Đình H được ly hôn với chị Lê Thị H1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 28/10/2010, Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 20/11/2013 cho anh Lê Đình H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Giao cháu Lê Ngọc Trúc L, sinh ngày 05/08/2015 chị Lê Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh H và chị H1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H và chị H1 được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh H và chị H1 được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/12/2022, Chị Lê Thị H1 có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết vấn đề sau:

- Không chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn anh Lê Đình H.

- Giao 03 con chung là cháu Lê Ngọc Anh T (sinh ngày 28/10/2010), cháu Lê Ngọc Phương N (sinh ngày 20/11/2013) và cháu Lê Ngọc Trúc L (sinh ngày 05/8/2015) cho chị Lê Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Nguyên đơn anh Lê Đình H không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo lời khai của anh H thì: quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến

nay. Anh cùng với các con chung là cháu T và cháu N về quê nội ở tỉnh Thanh Hóa sống. Nay anh không còn tình cảm vợ chồng với chị H1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H1.

Chị H1 cũng thừa nhận sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến cuối năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị H1 đã thật sự trầm trọng và được các bên thừa nhận. Hiện anh chị cũng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ.

Về con chung: Anh H và chị H1 có 03 con chung tên là Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 28/10/2010, Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 20/11/2013 và Lê Ngọc Trúc L, sinh ngày 05/08/2015. Xét thấy sau khi anh H và chị H1 ly thân thì cháu T và cháu N sống cùng với anh H tại thôn X, xã Y, huyện O, tỉnh Thanh Hóa (nhà cha mẹ ruột anh H). Cháu L sống cùng chị H1 tại ấp R, xã X1, huyện Y1 (nhà cha mẹ ruột chị H1). Cháu T và cháu N cũng có nguyện vọng được sống cùng bố, còn cháu N có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Qua chứng cứ mà anh H và chị H1 cung cấp thì cháu T, cháu N và cháu L được anh H và chị H1 chăm sóc tốt, được đi học và phát triển bình thường. Đồng thời, anh H, chị H1 có việc làm và thu nhập ổn định, do đó cả anh H và chị H1 đều có đủ điều kiện nuôi con chung do đó để đảm bảo sự phát triển và ổn định tâm sinh lý của con chung chưa thành niên Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu T và cháu N cho anh H và giao cháu L cho chị H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ.

Đề xuất: Từ những phân tích trên không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị H1, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 127/2022/HNGĐ-ST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Lê Thị H1 làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình H và chị Lê Thị H1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Anh H và Chị H1 đều xác định đời sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 6/2021, anh H, chị H1 đã sống ly thân, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã nhiều lần tổ chức các buổi hòa giải, đoàn tụ nhưng không có kết quả. Hiện nay anh H đã chuyển về quê (thôn X, xã Y, huyện O, tỉnh Thanh Hóa) để sinh sống. Nhận thấy đời sống tình cảm vợ chồng giữa anh H, chị H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chị H1 kháng cáo không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra được phương án, biện pháp để vợ chồng đoàn tụ do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị H1.

[2.2] Về con chung: Anh H và chị H1 có 03 con chung tên là Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 28/10/2010, Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 20/11/2013 và Lê Ngọc Trúc L, sinh ngày 05/08/2015. Hiện cháu T và cháu N đang sống cùng với anh H tại thôn X, xã Y, huyện O, tỉnh Thanh Hóa (nhà cha mẹ ruột anh H). Cháu L sống cùng chị H1 tại ấp R, xã X1, huyện Y1 (nhà cha mẹ ruột chị H1).

Xét thấy cả anh H và chị H1 đều đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các con chung. Tuy nhiên từ tháng 6/2021 cháu T và cháu N đã được anh H đưa về quê để sinh sống, hiện cháu T và N được chăm sóc tốt, được đi học và phát triển bình thường. Hai cháu T và N cũng có nguyện vọng được ở với anh H. Tòa án cấp sơ thẩm giao hai cháu Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 28/10/2010, Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 20/11/2013 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và quy định pháp luật.

Chị H1 kháng cáo yêu cầu Tòa án giao 03 con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng chị H1 thừa nhận cháu L hiện sống cùng với ông bà ngoại tại ấp R, xã X1, huyện Y1 còn chị H1 đi làm ở Bình Dương hai tuần mới về nhà thăm cháu L. Trường hợp giao cả 03 cháu T, N, L cho chị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng thì sẽ làm tăng gánh nặng về kinh tế, thời gian chăm sóc các cháu cho chính chị H1 và cha mẹ ruột của chị H1 do vậy việc chị H1 yêu cầu Tòa án giao 03 con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng là không đảm bảo về điều kiện thực tế. Mặt khác hiện nay cháu L đang do chị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu L cũng có nguyện vọng ở với mẹ Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển và ổn định tâm sinh lý của con chung chưa thành niên nên giao cháu T và cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Giao cháu L cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Lê Thị H1 phải chịu 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Lê Thị H1, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 127/2022/HNGĐ-ST ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Đình H. Anh Lê Đình H được ly hôn với chị Lê Thị H1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Anh T, sinh ngày 28/10/2010, Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 20/11/2013 cho anh Lê Đình H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Giao cháu Lê Ngọc Trúc L, sinh ngày 05/08/2015 cho chị Lê Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh H và chị H1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H và chị H1 được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh H và chị H1 được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: chị Lê Thị H1 phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị H1 đã nộp tại Biên lai thu số 0004069 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y1

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân H. Định Quán;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Y1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng Hương